**8. Intent (ý định)**

* **Intent (ý định)**  là những tin nhắn không đồng bộ cho phép các thành phần ứng dụng yêu cầu chức năng từ các thành phần android khác.
* Intents cho phép người dùng tương tác với các thành phần từ các ứng dụng như nhau cũng như vơi các thành phần đóng gói trong một ứng dụng khác.
* VD: Một Activity có thể gọi một Activity bên ngoài để chụp ảnh
* **Intent** – Đối tượng của class **android.content.Intent**
* **Intent có thể sử dụng để:**
  + Bắt đầu một Activity
  + Bắt đầu một Activity con
  + Bắt đầu một dịch vụ (Service)
  + Gửi một quảng bá
* Có 2 loại **Intent** là:
  + **Intent** tường minh (explicit)
  + **Intent** không tường minh (implicit)
* Một **Intent** có thể chứa dữ liệu thông qua một **Bundle**

**8.1. Explicit Intent – ý định tường mình**

**- Intent tường mình (Explicit intents):** là những (intent) chỉ định rõ rang tên các

- Gửi nhận kết quả trực tiếp:

- Dùng phương thức:

Bên gửi: *Input.putExtra(“soa”, 5); // yêu cầu start Activity chỉ định trong Intent*

Bên nhận: *Intent intent = this.getIntent();*

*int a = intent.getIntExtra(“soa”);*

**Dùng Bundle:**

* Mỗi **Bundle** là một tập hợp dạng cặp <**name, value>**
* ĐƯa dữ liệu vào Bundle dùng phương thức **putXXX và getXXX** để lấy dữ liệu thuộc các dữ liệu cơ bản

*Intent sẽ mang dữ liệu: tênInten.putExtras(tên\_bundle);*

*VD:*

|  |
| --- |
| *Bundle bundle = new Bundle();*  *bundle.putInt(“soa”, 5);*  *bundle.putDouble(“sob”, 5.7”);*  *int soa=bundle.getInt(“soa”);*  *double sob=bundle.getDouble(“sob”);* |

**Note:** Nếu muốn truyền dữ liệu là đối tượng qua Bundle thì phải tuần tự đối tượng bằng cách thiết kế lớp thực thi ***InterfaceSerializable***

***Ex:***

|  |
| --- |
| ***class*** *Person implements Serializable*  *{*  *Private int id;*  *private String name;*  *public Person (int id, String name)*  *{*  *this.id=id;*  *this.name=name;*  *}*  *public String toString()*  *{*  *return this.id+”- “+this.name;*  *}*  *}* |

|  |
| --- |
| *Bundle bundle = new Bundle();*  *Person p = new Person(1, “teo”);*  *bundle.putSerializable(“t1”, p);*  *Person t1=(Person) bundle.getSerializable(“t1”);* |

**8.3. Lấy kết quả trả về từ Intents**

Khởi động 1 activity ta dùng phương thức:

*startActivityForResult(Intent, requestCodeID)*

Và thêm hàm xử lý kết quả trả về

*onActivityResult(requestCodeID, resultCode, Intent)*

**HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID VÀ ỨNG DỤNG – CSDL SQLITE**